

Bản tin chứng khoán

Trong số này

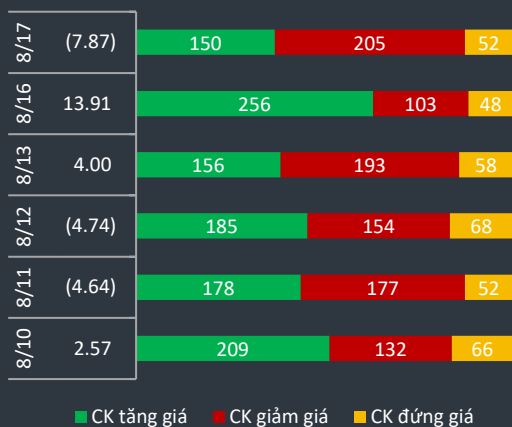
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

HSG		33.71
DCM		26.16
DGC		21.48
DGW		16.03
STB		15.32
PTB		15.07
DHC		13.27
LHG		12.22
CTG	(42.96)	
VCB	(44.43)	
NLG	(44.83)	
DPM	(46.18)	
GAS	(57.85)	
HPG	(163.55)	
VIC	(245.12)	
VHM	(508.13)	

Sau phiên tăng mạnh đầu tuần, thị trường trở nên nhạy cảm hơn trong phiên hôm nay khi lượng cung đang chực chờ đổ ra chốt lời. Phiên sáng thị trường vẫn còn giằng co quanh tham chiếu nhưng bảng điện vẫn thể hiện số mã giảm lên đến trên 200 trong khi số mã tăng ít hơn đáng kể. Phiên chiều tình hình có biểu hiện xấu dần và càng về cuối phiên nhiều cổ phiếu bị bán ra nhiều hơn. Hơn 2/3 số cổ phiếu VN30 chuyển sang đỏ cuối phiên trong đó VHM trở thành cổ phiếu đề index nhiều nhất với mức giảm hơn -4.3%. Thông tin mới công bố cả Vingroup đăng ký bán gần 100,5 triệu cổ phiếu VHM, tương đương 3% vốn điều và quỹ Viking Asia Holdings II Pte. Ltd cũng đăng ký bán gần 32 triệu cổ phiếu VHM làm giá VHM ảnh hưởng nghiêm trọng. Tổng cộng hôm nay VHM khớp hơn 20 triệu cổ phiếu trong đó riêng khối ngoại bán ra hơn 6 triệu.

Ngoài VHM nhiều blue chip khác như SAB, KDH, GAS, VRE cũng mất điểm trên -1% cũng làm ảnh hưởng đáng kể đến chỉ số index. Tuy nhiên nhờ các big cap khác VCB, VIC, GVR, HPG cũng giúp cân phần nào thị trường để không bị giảm sâu. Chỉ số Vnindex giảm khoảng 7.8 điểm, không quá sâu nếu so với lực bán ra hôm nay. Tổng giá trị giao dịch trong ngày cũng khá cao trên 25,700 tỷ trên sàn HOSE.

Khối ngoại trong ngày bán ròng hơn 1100 tỷ chủ yếu đến từ VHM (gần 500 tỷ), cùng với HPG, VIC, DPM, CTG, NKG, VRE, PVD.

Nhóm ngành ngân hàng vẫn trụ khá tốt trong ngày với hơn 1/2 giữ xanh trong đó nhóm bank nhỏ như LPB, ABB, BVB, VBB, SGB tăng tốt nhất trên 2%. Có khoảng 10 CP bank giảm nhẹ dưới 1% trong ngày như CTG, TCB, VPB, BID, STB. OCB về lại giá 25 và giảm nhẹ -0.4%.

Nhóm chứng khoán có sự phân hóa mạnh cũng giống nhiều nhóm ngành phân đạm, bất động sản. Chỉ một vài cổ phiếu lớn vẫn giữ xanh như VCI, FTS, CTS, DCM. Duy chỉ có nhóm thép với các cổ phiếu dẫn đầu HPG, HSG, NKG tăng khá tốt trong ngày. HSG cuối phiên tăng đến 4.5%, NKG 5.1%. Nếu thị trường giữ xanh hôm nay thì có thể nhóm thép còn bức phá mạnh hơn.

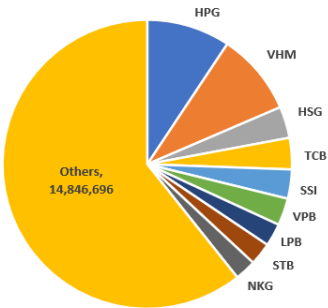
Vnindex 1,363.09
▼ -7.87 (-0.57%)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
HPG	50.4	950	1.92
PNJ	95.5	1,000	1.06
GVR	37.5	300	0.81
TPB	37.4	250	0.67
MBB	31.2	200	0.65
VIC	98.9	600	0.61
VCB	101.0	400	0.40
REE	56.6	100	0.18
VJC	117.3	-	-
HDB	35.8	-	-
BCM	44.5	-	-
MWG	169.9	(200)	(0.12)
VNM	89.3	(200)	(0.22)
ACB	35.6	(100)	(0.28)
VIB	41.7	(150)	(0.36)
HVN	21.4	(100)	(0.47)
STB	30.2	(150)	(0.50)
PDR	91.2	(500)	(0.55)
NVL	103.2	(600)	(0.58)
MSN	132.5	(1,000)	(0.75)
VPB	65.1	(500)	(0.76)
BID	43.0	(350)	(0.81)
FPT	93.8	(800)	(0.85)
POW	11.4	(100)	(0.87)
PLX	51.6	(500)	(0.96)
BVH	53.6	(600)	(1.11)
DHG	93.2	(1,100)	(1.17)
SSI	61.3	(800)	(1.29)
TCB	53.3	(700)	(1.30)
CTG	34.6	(500)	(1.42)
VRE	28.1	(450)	(1.58)
GAS	92.4	(1,800)	(1.91)
SAB	145.5	(6,100)	(4.02)
VHM	111.0	(5,000)	(4.31)



Top giá trị giao dịch (tỷ VND)



Thị trường điều chỉnh trong ngày đã được dự báo trước khi chỉ số Vnindex đã tiếp cận vùng 1370 và một phần đã có phiên tăng tốc khá nhanh đầu tuần. Thanh khoản thị trường hiện rất cao vì vậy tốc độ xoay vòng dòng tiền trở nên nhanh hơn và nhà đầu tư tận dụng chốt lãi khi giá đạt mục tiêu. Xu hướng chung của thị trường vẫn tích cực dù một số tín hiệu bán rông của khối ngoại cũng đáng lưu ý. Thị trường kỳ vọng vẫn giữ xu thế tăng ngắn hạn với mức hỗ trợ 1350 vì vậy các nhịp điều chỉnh sâu sẽ có dòng tiền tham gia đỡ trở lại. Các nhóm ngành chứng khoán, ngân hàng, phân đạm, thép, vẫn nổi trội nhất hiện tại.

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng Cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
REE	56.6	1.3	50	60	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 54	7/12/2021	11.0%
GVR	37.5	7.1	28	38	Nắm giữ, lưu ý ngưỡng kháng cự 38	7/12/2021	27.6%
HCM	55.0	6.4	44	60	Nắm giữ, lưu ý ngưỡng kháng cự 60	7/12/2021	22.2%
VCI	61.9	8.6	47	60	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 55-57	7/12/2021	26.3%
VND	52.7	2.7	40	60	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 50	7/28/2021	22.6%
SSI	61.3	3.2	45	70	Nắm giữ	7/12/2021	22.6%
MBB	31.2	5.2	25	35	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 28	7/12/2021	7.6%
OCB	25.0		20	30	Nắm giữ, Mua thêm quanh 24	7/12/2021	8.7%
TCB	53.3	1.9	47	60	Nắm giữ, mua thêm quanh 48-50	7/12/2021	2.5%
CTG	34.6	(0.1)	32	42	Nắm giữ, Mua thêm nếu về hỗ trợ 32	7/12/2021	1.8%
HPG	50.4	2.0	44	65	Nắm giữ, mua thêm quanh 45	7/12/2021	12.0%
STB	30.2	(1.5)	27	35	Nắm giữ, mua thêm quanh 27,28	7/12/2021	7.9%
DGW	164.4	0.9	120	170	Nắm giữ	3/3/2021	64.4%
MWG	169.9	(2.3)	130	190	Nắm giữ	2/3/2021	33.3%

Tổng hợp kết quả kinh doanh Q2.2021

Ngành	Số Doanh Nghiệp	Doanh thu 6T.2020	Doanh thu 6T.2021	%	Lợi Nhuận 6T.2020	Lợi Nhuận 6T.2021	%
Ngân hàng L2	26	127,209	172,276	35.4%	49,461.6	78,049.4	58%
Bất động sản L2	87	109,037	169,025	55.0%	18,437.1	30,335.4	65%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt L2	101	130,532	136,608	4.7%	9,374.1	11,924.8	27%
Dịch vụ tài chính L2	38	10,509	20,156	91.8%	2,361.6	7,512.9	218%
Tài nguyên Cơ bản L2	68	134,674	196,791	46.1%	5,569.9	23,309.0	318%
Thực phẩm và đồ uống L2	88	163,987	177,495	8.2%	13,421.6	14,884.8	11%
Hóa chất L2	52	49,312	71,573	45.1%	2,515.3	4,989.1	98%
Xây dựng và Vật liệu L2	209	109,940	121,426	10.4%	5,019.5	6,930.5	38%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp L2	154	91,585	113,300	23.7%	7,692.4	12,739.2	66%
Hàng cá nhân & Gia dụng L2	47	39,484	46,995	19.0%	1,895.9	3,040.8	60%
Công nghệ Thông tin L2	19	17,752	20,653	16.3%	1,746.2	2,008.1	15%
Y tế L2	36	25,726	24,929	-3.1%	1,507.0	1,568.4	4%
Bảo hiểm L2	12	29,070	32,192	10.7%	1,959.2	2,483.3	27%
Ô tô và phụ tùng L2	11	16,389	19,741	20.5%	360.3	549.4	52%
Dầu khí L2	8	135,339	165,272	22.1%	(5,499.3)	5,985.6	
Bán lẻ L2	18	85,221	100,412	17.8%	2,166.2	3,044.8	41%
Truyền thông L2	26	3,104	3,966	27.8%	232.6	435.3	87%
Viễn thông L2	4	7,545	7,170	-5.0%	753.5	943.5	25%
Du lịch và Giải trí L2	30	19,638	15,313	-22.0%	214.9	118.0	
Tổng Cộng	1034	1,306,051	1,615,292	23.7%	119,189.6	210,852.2	77%

Số Doanh Nghiệp Lợi Nhuận >0	893
Số DN lỗ trong kỳ	141
Số DN tăng trưởng LN trong kỳ	648
Số DN giảm LN trong kỳ	324

Mã CK	Ngành 5	DT 6T.2020	DT 6T.2021	%	LN 6T.2020	LN 6T.2021	%	EPS	BV	Price	PE
RAL	Thiết bị gia dụng L5	2,036	2,675	31%	138.3	189.9	37%	32,135	96,132	177,700	5.5
BAX	Xây dựng L5	34	58	68%	13.9	24.6	78%	19,068	23,257	69,000	3.6
IPA	Tư vấn & Hỗ trợ KD L5	95	120	27%	39.6	1,243.0	3040%	15,930	35,707	61,500	3.9
SMC	Thương mại (Bán buôn) sắt thép	7,125	11,020	55%	52.8	710.1	1244%	15,701	37,908	47,000	3.0
SIP	Bất động sản công nghiệp L5	2,180	2,997	37%	388.6	512.8	32%	14,523	41,137	167,900	11.6
GIL	Hàng May mặc L5	1,638	2,122	30%	103.3	186.0	80%	10,866	39,983	70,000	6.4
VCS	Sản xuất gạch ốp lát & Vật liệu lát	2,495	3,344	34%	560.9	819.2	46%	10,542	27,328	120,900	11.5
SCS	Dịch vụ Hàng không L5	328	408	24%	221.2	287.7	30%	10,462	19,522	138,800	13.3
VHM	Bất động sản dân cư L5	22,896	41,712	82%	10,602.3	15,628.6	47%	10,089	30,147	120,000	11.9
PDN	Dịch vụ kho bãi L5	340	468	38%	68.0	91.8	35%	9,893	35,407	88,000	8.9
DHC	Sản xuất giấy L5	1,320	2,097	59%	168.1	301.1	79%	9,359	-	86,300	9.2
CAP	Sản xuất giấy L5	194	266	37%	12.5	29.9	138%	9,075	17,595	65,000	7.2
PTB	Vật liệu xây dựng bán buôn L5	2,565	3,020	18%	142.6	220.3	55%	9,008	43,288	99,800	11.1
SCI	Xây dựng L5	436	2,489	471%	67.2	105.1	57%	8,797	16,713	30,400	3.5
UIC	Xây dựng L5	1,211	1,369	13%	28.5	39.0	36%	8,786	39,621	46,200	5.3
DGW	Phân phối hàng chuyên dụng L5	4,893	9,224	89%	93.1	223.2	140%	8,668	31,539	159,700	18.4
HMC	Thương mại (Bán buôn) sắt thép	1,654	2,275	38%	14.7	120.7	723%	8,272	22,040	26,100	3.2
LBM	Vật liệu xây dựng khác L5	298	394	32%	36.4	48.9	34%	7,954	41,639	61,000	7.7
VPG		864	2,084	141%	7.7	260.8	3276%	7,918	19,758	50,000	6.3
NKG	Sản xuất, chế biến thép L5	4,766	11,862	149%	58.8	1,166.3	1884%	7,708	26,578	39,400	5.1
SFI	Vận tải quốc tế L5	487	808	66%	32.4	55.7	72%	7,459	36,381	46,900	6.3
SVC	Sản xuất ô tô L5	6,253	7,060	13%	21.7	98.1	352%	6,889	55,011	71,000	10.3
LHG	Bất động sản công nghiệp L5	388	666	72%	106.8	250.3	134%	6,777	28,354	52,200	7.7
DPG	Xây dựng L5	970	986	2%	66.9	174.7	161%	6,764	36,356	40,000	5.9
MSH	Hàng May mặc L5	1,902	2,152	13%	119.9	217.0	81%	6,518	29,880	76,500	11.7
CBI	Sản xuất, chế biến thép L5	840	1,527	82%	14.6	215.9	1380%	6,353	7,243	25,500	4.0
DGC	Hóa chất hàng hóa khác L5	3,096	3,988	29%	444.2	605.6	36%	6,239	27,115	98,000	15.7
BNA	Thực phẩm chế biến L5	337	527	56%	10.3	23.1	124%	6,179	21,618	62,000	10.0
TMG	Sản xuất, chế biến thép L5	368	493	34%	12.0	71.9	501%	6,153	14,283	46,000	7.5
NDN	Bất động sản dân cư L5	215	234	9%	80.6	133.0	65%	6,066	17,817	23,500	3.9

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

HSG	4.46
NKG	5.06
DCL	5.89
POM	6.71
SBV	6.79
DQC	6.86
PHC	6.88
UIC	6.88
OGC	6.88
VSH	6.89
VSH	6.89
HSL	6.90
PTL	6.91
JVC	6.92
SGT	6.94
TVS	6.94
TGG	6.96
HMC	6.98
EVE	6.99
KSH	9.09

Top tăng giá HNX

CLH	2.79
PVL	2.94
VMC	3.03
DID	3.13
PMB	3.31
NBP	3.33
MCF	3.45
OCH	4.05
IVS	4.21
APS	4.48
KHB	4.55
HLD	4.66
PCG	5.00
MCO	6.45
DBT	6.75
ICG	6.76
V12	7.14
SRA	7.41
S55	8.19
QNC	8.33
SIC	8.82
NSH	9.09
VGS	9.42
PPP	9.43
AMV	9.47
AAV	9.62
CAG	9.85
VE9	11.54

LIX – CTCP Bột giặt Lix - Đề ra kế hoạch kinh doanh quý III gồm doanh thu 548 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 30 tỷ đồng; lần lượt giảm 16,8% và 50% so với cùng kỳ năm trước. Đây dự kiến là quý thứ 3 liên tiếp doanh nghiệp giảm lợi nhuận.

ACC - CTCP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC - Ngày 03/9 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng 06/9. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 5%, thanh toán bắt đầu từ ngày 24/9/2021.

KBC - Tổng CTCP Phát triển đô thị Kinh Bắc – Đã thông qua việc tăng vốn cho công ty con là Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị Trảng Cát từ 1.500 tỷ đồng lên 3.000 tỷ đồng. Thời điểm góp vốn từ quý III/2021 đến hết quý I/2022.

HPX - CTCP Đầu tư Hải Phát - Dự kiến phát hành hơn 39,67 triệu cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020 cho cổ đông theo tỷ lệ 100:15 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận 15 cổ phiếu mới). Nguồn vốn phát hành là lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2020 trên báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty.

SBV - CTCP Siam Brothers Việt Nam – Đã thông qua việc chuyển nhượng quyền sử dụng khu đất diện tích hơn 17.000 m2 tại đường số 8, KCN Thái Hòa, xã Lập Đức Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, với giá hơn 44 tỷ đồng.

MWG - CTCP Đầu tư Thế giới di động - Thông báo, ngày 31/8 tới đây sẽ chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức năm 2020. Theo đó, cổ tức bằng tiền mặt được trả theo tỷ lệ 5%, thanh toán bắt đầu từ ngày 13/9/2021 và cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 2:1 (cổ đông sở hữu 2 cổ phiếu được nhận 1 cổ phiếu mới), tương đương MWG sẽ phát hành thêm hơn 237,6 triệu cổ phiếu mới trong đợt này.

VTB - CTCP Viettronics Tân Bình - Ngày 26/8 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức còn lại năm 2020 và tạm ứng năm 2021, ngày đăng ký cuối là 27/8. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ tổng cộng 10%, thanh toán bắt đầu từ ngày 16/9/2021.

VPB - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Các lãnh đạo ngân hàng mua cổ phiếu từ ngày 9/8 đến 12/8, theo chương trình ESOP năm 2021 của VP Bank.

SHE - CTCP Phát triển năng lượng Sơn Hà - Ngày 26/8 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng 27/8. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 10:2, tương đương SHE sẽ phát hành thêm hơn 1,31 triệu cổ phiếu mới trong đợt này.

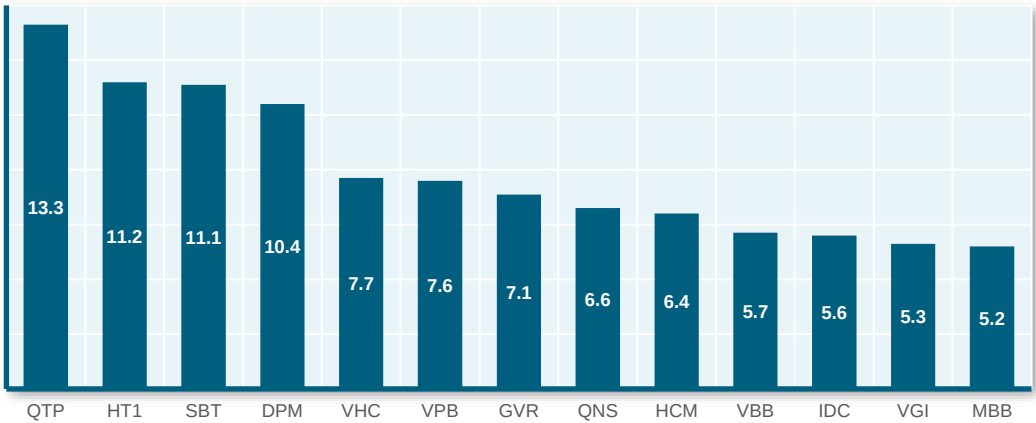


Kế hoạch tăng vốn các ngân hàng

Ngân hàng	Tỷ lệ	Hình thức	Nội dung	Vốn tăng lên
VCB	8%	Tiền mặt	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận các năm trước	50,000
	27.60%	Cổ phiếu		
CTG	29%	Cổ phiếu	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận 2017-2019	48,000
	12.6% - 17.7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
	5%	Tiền mặt	Cổ tức năm 2020	
BID	5.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	48,524
	7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
MBB	35%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	38,676
ACB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	27,019
SHB	10%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	26,674
	10.50%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
HDB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	20,111
VIB	40%	Cổ phiếu	Cổ tức thương	16,000
MSB	30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	15,275
SSB	9.12%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,700
OCB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,449
BAB	6.30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	7,530
NAB	10.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	4,564
KLB	13%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,653
SGB	5%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,234



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
ABB	UPCOM	22.4	2,728,245	8.0	1.4	-	-	12,797	30.00	2,801	16,320
ACB	HOSE	35.6	8,743,100	9.9	2.0	325,000	325,000	96,189	30.00	3,593	17,547
BAB	UPCOM	23.1	69,519	24.8	1.9	-	-	16,366	-	931	12,064
BID	HNX	43.0	1,565,300	17.1	2.1	11,800	10,600	172,746	16.71	2,512	20,453
CTG	HOSE	34.6	11,928,200	10.2	1.4	124,500	1,354,800	166,279	23.12	3,404	24,665
EIB	HOSE	26.6	679,600	30.4	1.9	21,500	-	32,641	29.74	874	13,822
HDB	HOSE	35.8	2,284,000	10.8	2.2	237,800	377,600	56,977	18.86	3,303	16,572
LPB	UPCOM	26.2	24,026,000	10.5	1.9	317,200	46,700	31,534	3.46	2,487	14,059
MBB	HOSE	31.2	18,478,900	11.3	1.6	1,339,000	1,302,600	117,884	22.92	2,762	19,196
MSB	HOSE	31.4	9,270,800	9.9	2.0	3,200	100	36,895	30.00	3,167	15,368
NVB	HNX	29.5	769,867		2.8	-	-	12,001	8.70	27	10,532
OCB	HOSE	25.0	3,520,900	8.2	1.5	20,000	-	34,247	15.00	3,038	16,848
SHB	HNX	29.5	29,771,155	14.7	2.0	15,400	1,700	56,804	3.96	2,013	14,631
SSB	HOSE	36.8	2,520,300	21.4	3.1	1,600	-	48,539	-	1,723	11,769
STB	HOSE	30.2	20,325,100	15.7	1.8	1,179,800	673,300	56,839	15.98	1,922	16,485
TCB	HOSE	53.3	16,002,700	11.6	2.4	1,530,800	1,530,800	186,812	23.00	4,611	22,566
TPB	HOSE	37.4	4,819,100	9.3	2.1	-	-	40,027	30.00	4,002	17,399
VCB	HOSE	101.0	1,688,700	18.3	3.7	133,200	570,300	374,597	23.57	5,532	27,234
VIB	HOSE	41.7	1,469,900	10.2	2.4	1,600	2,000	64,688	21.00	4,088	17,420
VPB	HOSE	65.1	11,377,300	12.9	2.9	-	1,700	160,781	15.00	5,038	22,811
			172,038,686	13.96	2.16	5,262,400	6,197,200	1,775,643		2,891	17,388



Thống kê nhóm cổ phiếu chứng khoán:

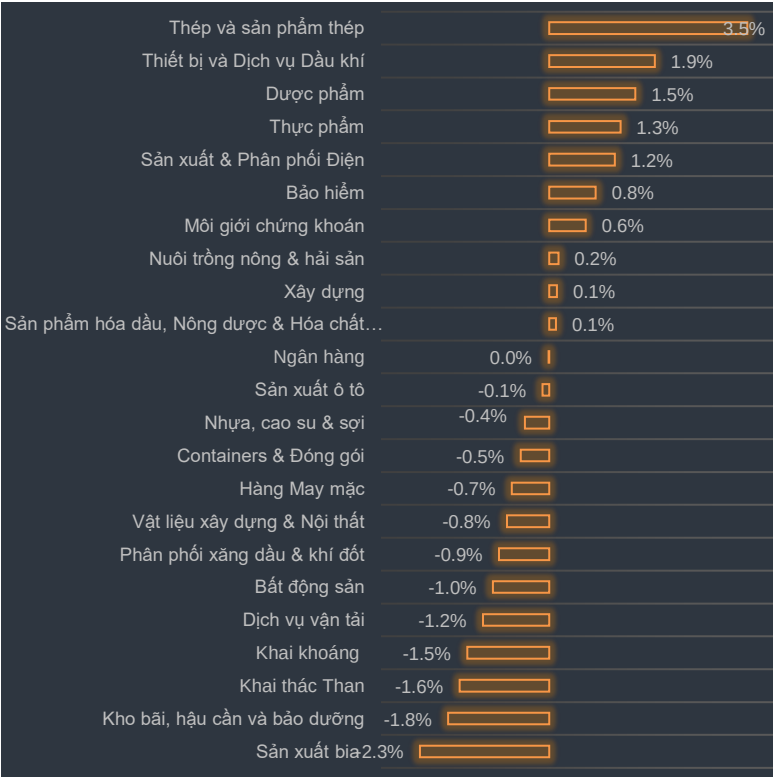
Mã CK	Sàn CK	Giá	Vol3t	Vốn Hóa	EPS	PE	P/Bv	BV
SSI	UPCOM	61,300	13,753,220	40,146,254	2,647.4	23.2	3.46	17,724
VCI	UPCOM	61,900	4,327,589	20,612,700	3,445.7	18.0	2.09	29,655
HCM	HNX	55,000	5,993,930	16,777,301	3,099.8	17.7	3.52	15,612
VND	UPCOM	52,700	8,396,463	22,609,830	6,320.1	8.3	2.52	20,939
SHS	UPCOM	52,200	6,939,820	10,819,400	5,431.3	9.6	2.91	17,951
MBS	UPCOM	35,100	3,001,176	9,392,995	1,470.3	23.9	2.67	13,147
FTS	HOSE	54,000	577,536	7,968,539	3,583.0	15.1	3.04	17,751
VIX	HNX	24,600	3,585,664	3,141,887	5,549.5	4.4	1.52	16,190
AGR	HOSE	14,900	3,028,423	3,146,879	1,000.6	14.9	1.52	9,775
BSI	UPCOM	27,100	1,711,943	3,294,566	2,231.6	12.1	2.13	12,711
ORS	HNX	25,500	1,213,616	5,100,000	1,944.6	13.1	2.41	10,574
VDS	HOSE	27,800	970,027	2,921,910	3,856.6	7.2	2.16	12,884
CTS	HOSE	24,800	1,679,518	2,638,710	2,676.3	9.3	1.79	13,885
TVS	HOSE	30,100	107,471	2,951,967	5,036.9	6.0	2.03	14,852
BVS	UPCOM	32,000	1,045,631	2,310,405	3,242.7	9.9	1.19	26,909
EVS	HOSE	28,800	343,980	1,728,012	3,859.6	7.5	2.03	14,167
SBS	HOSE	15,000	3,400,036	1,899,900	79.4	189.0	9.13	1,643
PHS	HOSE	16,900	1,808	1,521,000	979.4	17.3	1.50	11,291
TVB	HOSE	20,900	994,099	1,486,907	2,793.8	7.5	1.79	11,645
ART	HNX	9,900	3,800,453	959,533	31.6	313.2	0.86	11,459
TCI	UPCOM	15,800	228,686	782,100	2,671.6	5.9	1.29	12,235
IVS	UPCOM	9,900	77,946	686,565	411.7	24.0	1.00	9,862
BMS	UPCOM	16,200	154,138	923,400	4,097.6	4.0	1.25	12,977
APS	HOSE	14,000	1,740,565	546,000	2,387.2	5.9	1.26	11,126
PSI	UPCOM	10,300	181,092	616,365	300.3	34.3	0.98	10,519



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	GMC	HOSE	31/08/2021	1/9/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
2	HDB	HOSE	26/08/2021	27/08/2021		Trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:25	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
3	SPH	UPCoM	25/08/2021	26/08/2021	20/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	PHP	HNX	25/08/2021	26/08/2021	24/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	KSV	UPCoM	24/08/2021	25/08/2021	10/9/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	NBP	HNX	24/08/2021	25/08/2021	9/9/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	PHS	UPCoM	24/08/2021	25/08/2021	24/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 330 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	DFC	UPCoM	23/08/2021	24/08/2021	10/9/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	SUM	UPCoM	20/08/2021	23/08/2021	10/9/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 173 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	THU	UPCoM	19/08/2021	20/08/2021	15/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 506 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	BSQ	UPCoM	19/08/2021	20/08/2021	1/9/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	D2D	HOSE	19/08/2021	20/08/2021	10/9/2021	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	HGM	HNX	19/08/2021	20/08/2021	20/09/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	VFG	HNX	19/08/2021	20/08/2021	31/08/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	VE2	HNX	19/08/2021	20/08/2021	20/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	PRE	HNX	19/08/2021	20/08/2021	14/09/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	HKC	UPCoM	18/08/2021	19/08/2021	30/08/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	GIL	HOSE	18/08/2021	19/08/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 5:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
19	DNN	UPCoM	18/08/2021	19/08/2021	10/9/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	FT1	UPCoM	18/08/2021	19/08/2021	20/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 3,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	MQN	UPCoM	17/08/2021	18/08/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:16	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
22	VIC	HOSE	17/08/2021	18/08/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 1000:124.9999297	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
23	CKV	HNX	17/08/2021	18/08/2021	31/08/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	FPT	HOSE	16/08/2021	17/08/2021	1/9/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	GMD	HOSE	13/08/2021	16/08/2021	16/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	PSW	HNX	13/08/2021	16/08/2021	6/9/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	HDA	HNX	13/08/2021	16/08/2021	1/9/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	TID	UPCoM	13/08/2021	16/08/2021	30/08/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt

Tăng giảm ngành trong ngày



Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

Bất động sản:

AAV, PTL, CCI

Xây dựng:

V21, , SIC, S55

Dầu khí:

PCG, PVS, PVC

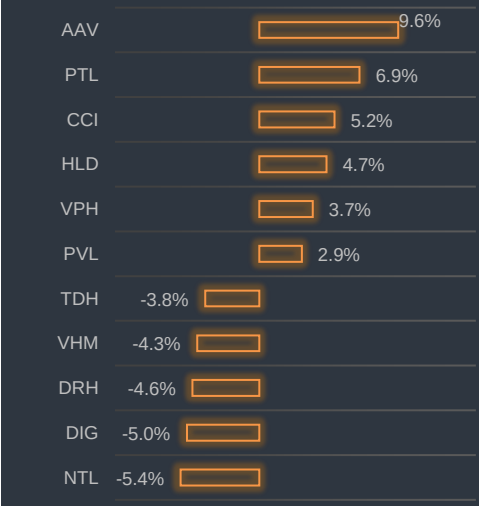
Chứng khoán:

APG, TVS, APS

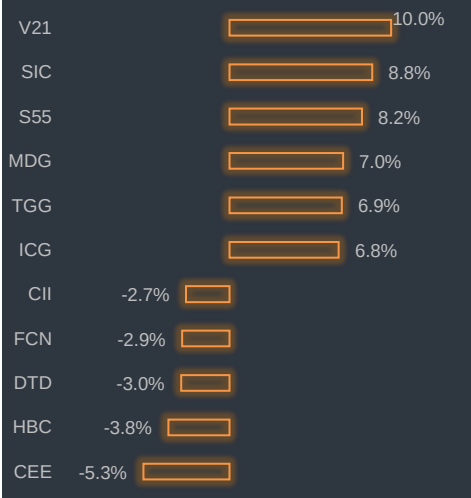
Ngân hàng:

LPB, ABB, TPB

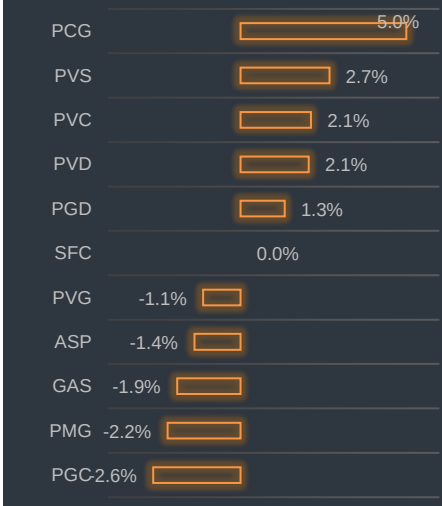
Bất động sản



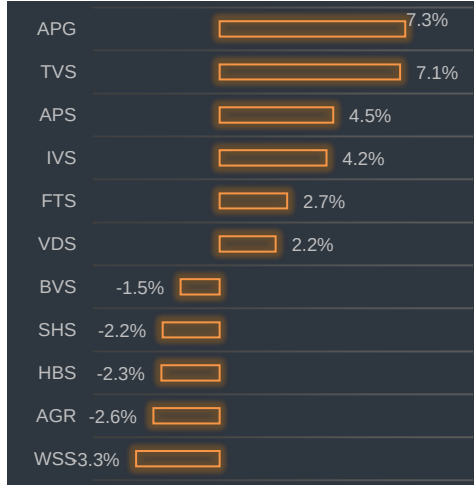
Xây dựng



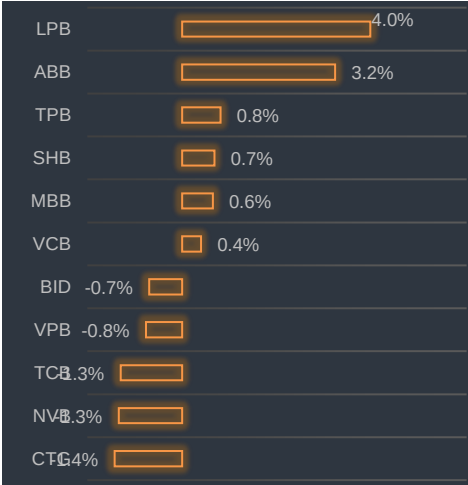
Dầu khí



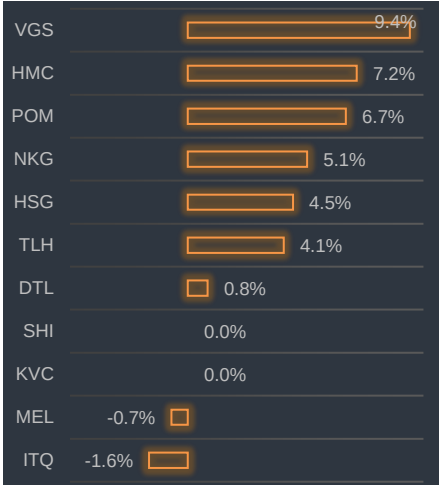
Chứng khoán



Ngân hàng



Thép





BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931